TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 30-9-2020
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV (viết tắt là VV); địa chỉ: Số 89 A, phường A, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông C; địa chỉ: Số 3/37 D, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số: 234/2019/UQ-VPB ngày 31 tháng 5 năm 2019 của VV); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông LVD và vợ là bà HTN; địa chỉ: Số 3 Ngõ 397, tổ F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà I; địa chỉ: Tổ dân phố F (nay là Số 6 Ngõ 397, tổ F), phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31-5-2019, tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là VV trình bày:

VV, ông LVD và vợ là bà HTN có ký kết Hợp đồng cho vay số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, với nội dung: Vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất cho vay (trong hạn): Được quy định trong Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Trên cơ sở hợp đồng cho vay đã ký kết, VV, ông LVD và vợ là bà HTN đã ký kết Khế ước nhận nợ số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, với nội dung:

Vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, từ ngày 27-11-2017 đến ngày 27-11-2027.

Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 14,5%/năm, mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Hợp đồng cho vay với một năm là 360 ngày. Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là 14,7%/năm, mức lãi suất quy đổi này không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Hợp đồng cho vay.

Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01-01, 01-4, 01-7, 01-10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01-4-2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất bán vốn của VV tại thời điểm điều chỉnh cộng biện độ 6%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của VV tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 120 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 03 tháng.

Các bên thống nhất đến kỳ điều chỉnh lãi suất, VV sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và không phải thông báo cho ông LVD và bà HTN. Ông LVD và bà HTN chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm VV thực hiện việc điều chỉnh.

Các kỳ trả nợ gốc, nợ lãi: Ông LVD và bà HTN phải trả nợ gốc, lãi cho VV theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 19, kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên vào ngày 19-12-2017, tổng cộng gồm 120 kỳ. Số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 2.915.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 3.115.000 đồng.

Ông LVD và bà HTN đã sử dụng 01 thẻ tín dụng tiêu dùng mã số: 205-P-568217 với số tiền hạn mức đề nghị là 20.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16-11-2017. Theo Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử, chủ thẻ phải thanh toán đầy đủ cho VV các khoản phí, phạt, lãi suất được đề cập trong Bản sao kê mà VV gửi về cho chủ thẻ hàng tháng.

Nhận được Sao kê, chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán cho VV mức tối thiểu bằng khoản thanh toán tối thiểu như thể hiện trên Sao kê trong vòng 15 ngày kể từ ngày sao kê (ngày đến hạn thanh toán). Thời hạn này có thể thay đổi theo quy định của VV trong từng thời kỳ. Lãi suất cho vay của VV đối với chủ thể thông qua việc phát hành và sử dụng thẻ áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do VV quy định tại từng thời kỳ, tại thời điểm ký kết lãi suất cho vay là 2,99%/tháng. Cách tính lãi suất trong hạn và ưu đãi lãi suất được áp dụng cụ thể với các loại giao dịch thẻ cụ thể. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán đúng hạn khoản thanh toán tối thiểu thì phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán sẽ bị tính phạt chậm trả và lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Số dư nợ còn lại (sau khi trừ đi số tiền thanh toán tối thiểu) vẫn tính theo lãi suất trong hạn theo quy định định của VV. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà chủ thẻ không thanh toán đủ khoản thanh toán tối thiểu thì toàn bộ dư nợ chưa thanh toán phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ của ông LVD và vợ là bà HTN như nêu trên, VV và ông LVD đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: LN171121032772 ngày 24-11-2017, số công chứng: 12381/HĐTC/2017; quyển số: 06 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 24-11-2017 tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng. Theo đó, ông LVD đã thế chấp cho VV tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 35, diện tích 91,1 m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 252024, số vào sổ cấp GCN số CH01488 do Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31-7-2017 cho ông LVD. Đến ngày 27-11-2017, ông LVD và VV tiếp tục ký kết Văn bản Thỏa thuận, theo đó ông LVD đã thế chấp cho VV tài sản trên đất là căn nhà cấp 04, diện tích xây dựng 25m^2, 01 tầng, mái tôn xi măng, lợp thêm 01 mái tôn kẽm, trần ốp nhựa, tường gạch, công trình phụ đầy đủ, giá trị còn lại không đáng kể. Căn nhà này được xây dựng từ khoảng năm 2001.

Theo hợp đồng thế chấp, VV và ông LVD đã thỏa thuận tại khoản khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng như sau: *"Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, ... của Bên vay đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Bên vay với Bên Ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này ..."* và thỏa thuận tại điểm e khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng như sau: *"Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này đều thuộc Tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho các nghĩa vụ nêu tại Điều 2 Hợp đồng này."*.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, VV đã thực hiện đầy đủ các điều khoản ký kết trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử như nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông LVD và bà HTN đã trả cho VV số tiền gốc là 2.915.000 đồng, số tiền lãi là 3.185.065 đồng. Do ông LVD và bà HTN không thực hiện đúng việc trả nợ cho VV như đã thỏa thuận tại các kỳ trả nợ, nên khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19-01-2018 và khoản nợ thẻ tín dụng tiêu dùng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 10-01-2018. VV đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông LVD và bà HTN thanh toán các khoản nợ còn lại nhưng ông LVD và bà HTN không thực hiện. Do vậy, VV đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc ông LVD và vợ là bà HTN phải trả cho VV tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 30-9-2020 là 616.113.511 đồng**.** Trong đó: Số tiền nợ gốc là 366.085.000 đồng, số tiền nợ lãi là 250.028.511 đồng. Cụ thể là:

Ông LVD và vợ là bà HTN còn nợ VV theo Hợp đồng cho vay số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 30-9-2020 là 554.288.293 đồng**.** Trong đó: Số tiền nợ gốc là 347.085.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 139.563.176 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 67.640.117 đồng.

Ông LVD và vợ là bà HTN còn nợ VV theo thẻ tín dụng tiêu dùng mã số: 205-P-568217, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 30-9-2020 là 61.825.218 đồng**.** Trong đó: Số tiền nợ gốc là 19.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 42.825.218 đồng.

Buộc ông LVD và vợ là bà HTN phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử kể từ ngày 01-10-2020 cho đến khi ông LVD và vợ là bà HTN thanh toán hết số tiền còn nợ cho VV.

Lãi suất mà ông LVD và vợ là bà HTN phải tiếp tục thanh toán cho VV theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của VV theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng cho vay số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và Mục 10 Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16-11-2017.

Trường hợp, ông LVD và vợ là bà HTN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, VV đề nghị được xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ

theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 35, diện tích 91,1 m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 252024, số vào sổ cấp GCN số CH01488 do Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31-7-2017 cho ông LVD. Tài sản này được ông LVD thế chấp cho VV theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: LN171121032772 ngày 24-11-2017, số công chứng: 12381/HĐTC/2017; quyển số: 06 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 24-11-2017 tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng và Thỏa thuận ngày 27-11-2017.

Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo, số tiền thu được dùng để trả khoản nợ của ông LVD và vợ là bà HTN cho VV còn thừa thì số tiền còn thừa được trả lại cho ông LVD. Nếu số tiền xử lý tài sản đảm bảo còn thiếu, ông LVD và vợ là bà HTN phải tiếp tục có trách nhiệm trả đủ số tiền còn thiếu cho VV.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông LVD và vợ là bà HTN vắng mặt tại nơi cư trú và vắng mặt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, không có lời khai và bất cứ ý kiến gì của bị đơn về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn, đã thực hiện đăng tin trên Báo Nhân dân, phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định tại các điều 26, 35, 39, 48, 49, 97, 203, 220, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 303,

307, 323, 401, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 16 Điều 4, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông LVD và vợ là bà HTN phải trả cho VV tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 30-9-2020 là 616.113.511 đồng**.** Trong đó: Số tiền nợ gốc là 366.085.000 đồng, số tiền nợ lãi là 250.028.511 đồng. Buộc ông LVD và vợ là bà HTN phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử kể từ ngày 01-10-2020 cho đến khi ông LVD và vợ là bà HTN thanh toán hết số tiền còn nợ cho VV. Lãi suất mà ông LVD và vợ là bà HTN phải tiếp tục thanh toán cho VV theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của VV theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng cho vay số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và Mục 10 Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16-11-2017. Trường hợp, ông LVD và vợ là bà HTN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, VV đề nghị được xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Về án phí: Ông LVD và vợ là bà HTN phải chịu 28.644.540 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại VV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.490.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại Số 3 Ngõ 397, tổ F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung:

[3] Về hình thức và nội dung hợp đồng: VV, ông LVD và vợ là bà HTN có ký kết Hợp đồng cho vay số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, Khế ước nhận nợ số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16-11-2017. Để đảm bảo cho việc thực hiện các hợp đồng nêu trên, VV và ông LVD đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: LN171121032772 ngày 24-11-2017, số công chứng: 12381/HĐTC/2017; quyển số: 06 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 24-11-2017 tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng và Thỏa thuận ngày 27-11-2017. Xét thấy, hình thức và nội dung của các hợp đồng, khế ước nhận nợ trên đều phù hợp với quy định tại các điều 117, 119, 275, 280, 292, 293, 295, 323, 401, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 16 Điều 4, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng. Ngày 24-11-2017, VV và ông LVD đã nộp Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với tài sản nêu trên và được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh quận H chứng nhận vào ngày 24-11-2017, nên việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, các hợp đồng và Khế ước nhận nợ này là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[4] Về việc thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng nêu trên, VV đã thực hiện đúng nghĩa vụ cho vay đã thoả thuận trong hợp đồng. Việc này đã được các bên xác nhận và được chứng minh bằng Khế ước nhận nợ, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và việc xác nhận của nguyên đơn tại phiên tòa. Ông LVD và vợ là bà HTN đã vay tiền của VV và sử dụng 01 thẻ tín dụng tiêu dùng. Nhưng khi đến hạn, ông LVD và vợ là bà HTN không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận và cam kết trong các hợp đồng, mặc dù VV đã nhiều lần đôn đốc. Vì vậy, ông LVD và bà HTN đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử đã ký kết.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Theo căn cứ tại mục [3], [4], các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều phù hợp với quy định tại các các điều 117, 119, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 303, 307, 323, 401, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 16 Điều 4, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng. Việc xác định các khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi của VV là phù hợp với thỏa thuận, cam kết giữa các bên được quy định trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

[6] Yêu cầu ông LVD và vợ là bà HTN phải trả cho VV tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 30-9-2020 là 616.113.511 đồng**.** Trong đó: Số tiền nợ gốc là 366.085.000 đồng, số tiền nợ lãi là 250.028.511 đồng.

[7] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ông LVD và vợ là bà HTN phải tiếp tục thanh toán cho VV số tiền lãi phát sinh tính trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 01-10-2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử. Theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng cho vay số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và Mục 10 Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16-11-2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

[8] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, các thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: LN171121032772 ngày 24-11-2017, Thỏa thuận ngày 27-11-2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Tài sản thế chấp nêu trên không có gì thay đổi về diện tích và vật kiến trúc xây dựng trên đất. Tài sản trên đang do bà I quản lý, sử dụng. Việc ông LVD và bà HTN không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên VV yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định tại các điều 293, 295, 303, 307, 323 của Bộ luật Dân sự, nên cần được chấp nhận.

[9] Về phương thức xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo qui định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo, số tiền thu được dùng để trả khoản nợ của ông LVD và bà HTN cho VV còn thừa thì số tiền còn thừa được trả lại cho ông LVD. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho VV thì ông LVD và bà HTN phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.490.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009782 ngày 31-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.644.540 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 117, 119, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 303, 307, 323, 401, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 16 Điều 4, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông LVD và vợ là bà HTN phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 30-9-2020 là 616.113.511 *(sáu trăm mười sáu triệu, một trăm mười ba nghìn, năm trăm mười một)* đồng**.** Trong đó: Số tiền nợ gốc là 366.085.000 *(ba trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn)* đồng, số tiền nợ lãi là 250.028.511 *(hai trăm năm mươi triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm mười một)* đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017, Khế ước nhận nợ số: LN1711210327725 ngày 27-11-2017 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16-11-2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV, ông LVD và vợ là bà HTN.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

3. Trường hợp, ông LVD và vợ là bà HTN không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp được xử lý là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 35, diện tích 91,1 m^2, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 252024, số vào sổ cấp GCN số CH01488 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31-7-2017 cho ông LVD. Tài sản này được ông LVD thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: LN171121032772 ngày 24-11-2017, số công chứng: 12381/HĐTC/2017; quyển số: 06 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 24-11-2017 tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng và văn bản Thỏa thuận ngày

27-11-2017.

Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo, số tiền thu được dùng để trả khoản nợ của ông LVD và vợ là bà HTN cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV mà còn thừa thì được trả lại cho ông LVD. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông LVD và vợ là bà HTN phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

4. Về án phí: Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.490.000 *(mười một triệu, bốn trăm chín mươi nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009782 ngày 31-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.644.540 *(hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi)* đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát NDTP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát ND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền